

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 13/8/2020

V/v “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG -TỈNH BÌNH THUẬN

-Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Di

2. Bà Thái Thị Dung

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Lư Ngọc Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2020/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phan Văn T**– sinh năm 1984; Địa chỉ: xóm 17, thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà **Phạm Thị Diễm V** – sinh năm 1988; Địa chỉ: xóm 17, thôn H , xã C, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

(Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 04/12/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Phan Văn Ttrình bày: Ông và bà Phạm Thị Diễm V xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P, tỉnh Bình Thuận (theo giấy chứng nhận kết hôn số 140, ngày 04/7/2008) trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu thương yêu nhau, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi cho vợ chồng ông.

Sau khi cưới, vợ chồng bà sống chung nhà với cha mẹ ông, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến tháng 10 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống vì bà V không quan tâm đến chồng con. Đến ngày 10/11/2019 bà V bỏ vào thành phố M kiếm việc làm cho đến nay. Trong thời gian này vợ chồng không quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống, không ai liên lạc gì với ai, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt và không thể hàn gắn lại được.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị Diễm V.

Về con chung: Ông và bà Phan Thị Diễm V có 02 con chung là Phan Diễm Phương T1, sinh ngày 21/8/2009 và Phan Gia H, sinh ngày 02/11/2012, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau các con là do ông trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến nay, nên ông yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi trưởng thành, ông không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2020 bị đơn bà Phan Thị Diễm V trình bày: Bà và ông Phan Văn T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P, tỉnh Bình Thuận (theo giấy chứng nhận kết hôn số 140, ngày 04/7/2008 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu thương yêu nhau, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi cho vợ chồng bà.

Sau khi cưới, vợ chồng bà sống chung với cha mẹ ông Tiến, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến tháng 10/2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vào ngày 10/11/2019 bà bỏ vào thành phố M kiếm việc làm cho đến nay. Trong thời gian bà bỏ đi vợ chồng không quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống, không ai liên lạc gì với ai, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt và không thể hàn gắn lại được, bà xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng vì bà còn thương các con, để vợ chồng thỏa thuận việc nuôi con, nên có thể hàn gắn lại được ông T yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý.

Về con chung: bà và ông T có 02 con chung là Phan Diễm Phương T1, sinh ngày 21/8/2009 và Phan Gia H, sinh ngày 02/11/2012, hiện nay đang ở với ông T, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn sự đã thực hiện đúng Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn không thực hiện đúng Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến Tòa căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

-Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phan Văn T. Ông T được ly hôn với bà Phạm Thị Diễm V.

-Về con chung: Giao Phan Diễm Phương T1, sinh ngày 22/1/2009 và Phan Gia H, sinh ngày 02/11/2012 cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con trưởng thành, ông T không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

-Về án phí: ông Phan Văn T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Diễm V đã nhận văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án và có mặt để tòa án ghi lời khai của bà, nhưng sau đó Tòa án triệu tập để hòa giải và đến khi xét xử bà vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác định địa chỉ của bà đúng theo địa chỉ của nguyên đơn cung cấp và tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho bà Phạm Thị Diễm V,

do bà Phạm Thị Diễm V vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của ông Phan Văn T , Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa ông và bà Phạm Thị Diễm V được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống ông T xác nhận do tính tình của vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, bà V không quan tâm đến chồng con, đến ngày 10/11/2019 bà V bỏ vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cho đến nay.

Bà V thì không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T vì theo bà mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, bà còn thương các con nên có thể hàn gắn lại được nhưng bà xác nhận mâu thuẫn của vợ chồng xuất phát từ nguyên nhân bất đồng quan điểm sống rồi bà bỏ đi từ ngày 10/11/2019 cho đến nay. Từ ngày bà V bỏ đi và ly thân nhau đến nay, giữa ông T và bà V không có tiếng nói chung, không tìm ra phương án thuyết phục nhau để cùng đoàn tụ. Nhận thấy ông T và bà V thực sự có mâu thuẫn, tình cảm không còn nữa, bà V không có nghĩa vụ với chồng con, đã vi phạm nghĩa vụ đối với con chung, bà không quan tâm gì đến yêu cầu của ông T hay quyền lợi của bà. Chứng tỏ mâu thuẫn của hai người thực sự đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của ông Tiến.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung hiện đang ở với ông T , ông T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu T1 và cháu H đã ở với ông T ổn định, ông T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng và giáo dục cháu T1 và cháu H, từ khi ly thân nhau ông T là người trực tiếp chăm lo đời sống con cái, bà V không quan tâm gì đến các con và đã vi phạm nghĩa vụ đối với con chung, nguyện vọng của các cháu xin ở với ông T nên Hội đồng xét xử giao các cháu T1 và H cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp hơn.

Ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án. Ông T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông Phan Văn T. Ông Phan Văn T được ly hôn với bà Phạm Thị Diễm V.

[3] Về con chung: Giao cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung Phan Diễm Phương T1, sinh ngày 22/8/2009 và Phan Gia H, sinh ngày 02/11/2012 cho đến khi các con trưởng thành.

Ông T không được cản trở bà V việc trông nom, chăm sóc và giáo dục các con chung.

[4] Về án phí: Ông Phan Văn T phải nộp **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Ông T đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0029897 ngày 12/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, ông T đã nộp đủ án phí.

[5] Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND xã (thị trấn);
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Văn Lầy

